

**V/v: CBTT Báo cáo tài chính  
Bán niên 2025 (đã được soát xét)**

**Tân Thành, Ngày 12 Tháng 08 năm 2025**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
(V/v : Công bố Báo Cáo Tài chính Bán niên 2025 – Đã soát xét)

**Kính Gửi :** - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính: KP Suối Nhum, P.Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên 2025 (đã được soát xét) của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 09/08/2025 bao gồm: BCKDT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước.
- 7 Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2025 tại đường dẫn : [www.myxuanvt.com.vn/quan-he-co-dong/luu-tru](http://www.myxuanvt.com.vn/quan-he-co-dong/luu-tru).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu:

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Lưu Thị Mai**





## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

## **CÔNG TY CP GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**







MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11 - 32





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét của Công ty.

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Gạch ngói gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 03 năm 2025.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

Vốn điều lệ : 90.406.970.000 đồng.

### **2. Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +254 3 893 150

Mã số thuế : 3 5 0 0 6 4 0 9 6 6

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

### **4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

#### **4.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Quyên	Thành viên



#### **4.2. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

#### **4.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Đô	Thành viên
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên

#### **5. Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty.

#### **6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 32.

#### **7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

#### **9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

5-6  
TY  
HUU  
A TU  
VI  
HO C



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

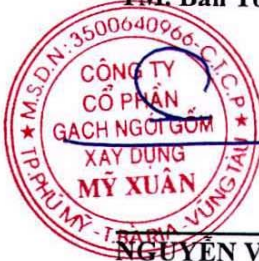
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2025.

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN VĂN SƠN**  
Tổng Giám đốc





Số: 2413/25/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2025 từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.781.469.048</b>	<b>57.290.091.023</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.548.817.519</b>	<b>5.979.659.042</b>
1. Tiền	111	V.1	8.548.817.519	5.979.659.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.510.678.309</b>	<b>5.733.429.784</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.356.320.435	1.549.141.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.549.830.000	763.455.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.604.527.874	3.420.833.095
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.179.804.969</b>	<b>44.876.835.758</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	31.179.804.969	44.876.835.758
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>542.168.251</b>	<b>700.166.439</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	530.194.751	49.453.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	582.301.982
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	11.973.500	68.411.003
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>98.283.820.015</b>	<b>103.078.102.348</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.842.406.225</b>	<b>2.767.750.892</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.842.406.225	2.767.750.892
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.332.631.441</b>	<b>29.887.915.423</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	20.448.711.519	24.238.808.901
- Nguyên giá	222		138.672.600.594	138.672.600.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.223.889.075)	(114.433.791.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.883.919.922	5.649.106.522
- Nguyên giá	228		26.199.164.502	26.199.164.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.315.244.580)	(20.550.057.980)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>68.872.348.226</b>	<b>68.824.698.926</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	68.872.348.226	68.824.698.926
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.236.434.123</b>	<b>1.597.737.107</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.203.407.151	1.564.710.135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33.026.972	33.026.972
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.065.289.063</b>	<b>160.368.193.371</b>





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.548.117.430	78.960.213.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.548.117.430	78.960.213.127
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.380.336.544	54.291.945.562
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.167.780.886	24.668.267.565
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.212.808	67.599.684
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	418.946.728	625.067.421
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		418.946.728	625.067.421
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.647.377.082	8.065.158.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.174.355.504	6.498.804.234
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.929.314.380	9.546.836.855
11. Thu nhập khác	31		131.786.684	48.906.035
12. Chi phí khác	32		94.824.882	110.768.798
13. Lợi nhuận khác	40		36.961.802	(61.862.763)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.966.276.182	9.484.974.092
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.635.801.994	1.977.548.578
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.330.474.188	7.507.425.514
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	510	596
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	510	596

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH

NGUYỄN VĂN SƠN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
2	1	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.966.276.182	9.484.974.092
2. Điều chỉnh cho các khoản			4.972.017.902	5.309.519.460
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.555.283.982	4.752.051.723
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.212.808)	(67.599.684)
- Chi phí lãi vay	06		418.946.728	625.067.421
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.938.294.084	14.794.493.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(213.164.373)	(306.105.402)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.697.030.789	(5.400.330.269)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(10.188.320.848)	(477.570.832)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(119.438.313)	(136.646.698)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(402.095.979)	(583.091.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.378.650.323)	(1.335.712.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.822.050.000)	(6.350.083.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.511.605.037	204.951.683
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.649.300)	(907.852.957)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.212.808	67.599.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.436.492)	(840.253.273)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	39.976.929.022	32.113.814.961
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(41.873.939.090)	(24.387.748.872)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.732.067.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.897.010.068)	(1.006.001.811)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.569.158.477	(1.641.303.401)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.979.659.042	7.502.229.836
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.548.817.519	5.860.926.435

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ MAI

TRẦN THỊ CẢNH



NGUYỄN VĂN SON



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất – dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu kỳ này tăng 3,28% so với cùng kỳ năm 2024 do nhu cầu thị trường tăng làm cho sản lượng tiêu thụ tăng so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, đơn giá tiền điện năm nay tăng cao làm cho chi phí giá vốn kỳ này cũng tăng 5,69% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp kỳ này giảm 2,03% so với kỳ trước.

##### **6. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cấu trúc Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh

##### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 06 năm 2025 có 275 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 300 nhân viên).

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.**

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.



### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chỉ phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Quyền khai thác mỏ sét***

Quyền khai thác mỏ sét được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian được cấp quyền khai thác (144 tháng).

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **6. Tài sản cố định hữu hình**

### **▪ Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### **▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng.

### **▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

## **7. Tài sản cố định vô hình**

### **▪ Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### **▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng.

### **▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	05 - 38 năm
Chi phí thăm dò mỏ sét	10 năm

5 - C  
TY  
HỮU H  
TƯ V  
VIỆT  
Ô CH



## **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **9. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## **10. Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán hàng hoá: bán sản phẩm gạch, ngói***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ: cho thuê máy móc, thiết bị nhà xưởng***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

**13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	705.840.000	64.140.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.842.977.519	5.915.519.042
<b>Cộng</b>	<b>8.548.817.519</b>	<b>5.979.659.042</b>

*Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).*



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>132.431.331</b>	<b>239.849.531</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận	73.522.240	178.748.040
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	58.909.091	61.101.491
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.223.889.104</b>	<b>1.309.292.158</b>
Công ty TNHH MTV Ba Hạng	621.912.072	-
Công ty TNHH MTV TM DV XD VT An Kiên An	282.275.620	287.275.620
Các đối tượng khác	319.701.412	1.022.016.538
<b>Cộng</b>	<b>1.356.320.435</b>	<b>1.549.141.689</b>

Toàn bộ số dư phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.549.830.000</b>	<b>763.455.000</b>
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	765.750.000	479.375.000
Các đối tượng khác	784.080.000	284.080.000
<b>Cộng</b>	<b>1.549.830.000</b>	<b>763.455.000</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>3.604.527.874</b>	<b>3.318.916.409</b>
Tạm ứng	3.437.988.000	3.289.008.000
- Võ Phúc Hưng	3.176.700.000	3.176.700.000
- Các đối tượng khác	261.288.000	112.308.000
Phải thu tiền lãi ký quỹ (QBVMT)	129.767.000	-
Phải thu thuế TNCN	6.985.940	101.916.686
Phải thu khác	29.786.934	29.908.409
<b>Cộng</b>	<b>3.604.527.874</b>	<b>3.420.833.095</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>2.842.406.225</b>	<b>2.767.750.892</b>
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	1.033.406.225	958.750.892
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án	1.809.000.000	1.809.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.842.406.225</b>	<b>2.767.750.892</b>

**5. Hàng tồn kho**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.759.446.367	-	26.861.319.951	-
Công cụ, dụng cụ	170.764.099	-	113.492.117	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.417.498.262	-	2.482.681.207	-
Thành phẩm	13.593.462.283	-	15.166.565.865	-
Hàng hóa	238.633.958	-	252.776.618	-
<b>Cộng</b>	<b>31.179.804.969</b>	-	<b>44.876.835.758</b>	-

Toàn bộ số dư hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.14).

**6. Chi phí trả trước**

**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	304.377.000	-
Chi phí thuê đất	207.824.297	-
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	15.440.000	38.660.000
Chi phí công cụ, dụng cụ đang sử dụng	2.553.454	10.793.454
<b>Cộng</b>	<b>530.194.751</b>	<b>49.453.454</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	49.453.454	36.431.556
Tăng trong kỳ	1.024.402.613	635.126.000
Phân bổ trong kỳ	(543.661.316)	(346.278.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>530.194.751</b>	<b>325.279.556</b>

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.028.790.973	1.351.194.337
Quyền khai thác khoáng sản (mỏ sét)	149.667.460	190.485.880
Chi phí công cụ dụng cụ đang sử dụng	24.948.718	23.029.918
<b>Cộng</b>	<b>1.203.407.151</b>	<b>1.564.710.135</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGỎI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số đầu kỳ	1.564.710.135	658.861.293
Tăng trong kỳ	9.770.000	20.181.818
Phân bổ trong kỳ	(371.072.984)	(172.383.120)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.203.407.151</b>	<b>506.659.991</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	52.965.966.333	79.322.240.333	5.613.572.928	770.821.000	138.672.600.594
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	52.965.966.333	79.322.240.333	5.613.572.928	770.821.000	138.672.600.594
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.633.406.097	45.106.486.746	4.270.532.019	706.821.000	71.717.245.862
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	41.552.021.201	67.062.301.473	5.091.308.019	728.161.000	114.433.791.693
2. Tăng trong năm	1.382.329.437	2.289.441.945	111.924.000	6.402.000	3.790.097.382
Khấu hao trong năm	1.382.329.437	2.289.441.945	111.924.000	6.402.000	3.790.097.382
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	42.934.350.638	69.351.743.418	5.203.232.019	734.563.000	118.223.889.075
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	11.413.945.132	12.259.938.860	522.264.909	42.660.000	24.238.808.901
2. Tại ngày cuối kỳ	10.031.615.695	9.970.496.915	410.340.909	36.258.000	20.448.711.519

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 06 năm 2025 là 5.332.315.401 đồng (xem thuyết minh số V.14).

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất <sup>(*)</sup>	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.507.139.502	692.025.000	26.199.164.502
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	25.507.139.502	692.025.000	26.199.164.502
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	19.858.032.980	692.025.000	20.550.057.980
Tăng trong kỳ	765.186.600	-	765.186.600
Khấu hao trong kỳ	765.186.600	-	765.186.600
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	20.623.219.580	692.025.000	21.315.244.580
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.649.106.522	-	5.649.106.522
Số cuối kỳ	4.883.919.922	-	4.883.919.922

<sup>(\*)</sup> Chi tiết Quyền sử dụng đất gồm:

GCN số	Địa chỉ	Kỳ hạn	Nguyên giá
BL 907395	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM)	14 năm (đến ngày 28/03/2027)	20.856.076.298
BA 657233	Xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Tân Thành, Tp. HCM)	38 năm (đến năm 2047 và 2048)	2.410.731.800
R545929	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM)	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	985.575.415
BC 369208	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM)	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	725.814.360
DB318924 DB318925	Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM)	- Đất thương mại – dịch vụ: đến ngày 11/09/2057; - Đất trồng cây lâu năm: đến ngày 18/02/2050.	350.178.000
BA 657232	Xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT (nay là phường Tân Thành, Tp. HCM)	22 năm (đến ngày 18/12/2025)	178.763.629
<b>Cộng</b>			<b>25.507.139.502</b>

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.552.532.618 đồng (xem thuyết minh số V.14).



**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Mô sét; Nhà máy Gạch Châu Đức	57.079.652.738	57.032.003.438
Dự án Mô Sét; Nhà máy Gạch Mỹ Xuân	9.192.695.488	9.192.695.488
Giá trị lô đất nhận chuyển nhượng theo HĐKT số 22/HĐKT ngày 10/05/2021	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.872.348.226</b>	<b>68.824.698.926</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.510.024.048</b>	<b>3.674.092.609</b>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.510.024.048	3.674.092.609
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>1.995.852.614</b>	<b>14.454.026.774</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Duy Anh Phát 68	900.298.000	-
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	319.605.000	321.750.000
Các đối tượng khác	775.949.614	14.132.276.774
<b>Cộng</b>	<b>5.505.876.662</b>	<b>18.128.119.383</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các khách hàng khác</b>	<b>473.219.665</b>	<b>424.365.307</b>
Công ty TNHH TM – DV – XNK Nam Dương	391.643.620	391.643.620
Các đối tượng khác	81.576.045	32.721.687
<b>Cộng</b>	<b>473.219.665</b>	<b>424.365.307</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	3.425.984.931	1.660.058.965	-	1.765.925.966
Thuế xuất nhập khẩu	11.973.500	-	-	-	11.973.500	-
Thuế TNDN	-	4.398.268.541	1.635.801.994	4.378.650.323	-	1.655.420.212
Thuế TNCN	-	219.691.585	527.277.807	688.629.169	-	58.340.223
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	494.384.880	415.648.613	-	-	910.033.493
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.437.503	-	618.002.525	313.625.525	-	247.939.497
<b>Cộng</b>	<b>68.411.003</b>	<b>5.112.345.006</b>	<b>6.626.715.870</b>	<b>7.044.963.982</b>	<b>11.973.500</b>	<b>4.637.659.391</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	526.113.500	269.967.040
BHXX, BHYT, BHTN	-	608.683.060
Phải trả cổ tức cho cổ đông	112.849.360	112.849.360
Phải trả lãi vay	16.850.749	8.460.757
Phải trả khác	22.328.805	13.458.915
<b>Cộng</b>	<b>678.142.414</b>	<b>1.013.419.132</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>4.316.156.824</b>	<b>4.316.156.824</b>	<b>6.213.166.892</b>	<b>6.213.166.892</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.316.156.824	4.316.156.824	6.213.166.892	6.213.166.892
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ <sup>(1)</sup>	4.316.156.824	4.316.156.824	2.642.088.543	2.642.088.543
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu <sup>(2)</sup>	-	-	3.571.078.349	3.571.078.349
<b>Cộng</b>	<b>4.316.156.824</b>	<b>4.316.156.824</b>	<b>6.213.166.892</b>	<b>6.213.166.892</b>

<sup>(1)</sup>Khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/1509034/HĐTD/HĐTD ngày 07/12/2022. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay : xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
- Hình thức bảo đảm : khoản vay được đảm bảo bằng:
  - + Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21/07/2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28/03/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20/05/2013, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/150934/SĐBS ngày 10/08/2017 (xem thuyết minh số V.8);
  - + Toàn bộ giá trị hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5);
  - + Toàn bộ số dư Tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1);



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- + Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2).

<sup>(2)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số GMX-HĐHM/2025 ngày 10/01/2025. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 30.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ SXKD;
- Thời hạn cấp hạn mức : 05 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay : xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;

Hình thức bảo đảm : khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Quyền sử dụng đất tại xã Hắc dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Tân Thành, Tp. HCM) và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (Khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.7);
- + Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM) theo Hợp đồng thế chấp Khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 ký giữa Khách hàng và Ngân hàng (xem thuyết minh số V.8);
- + Máy móc thiết bị thuộc: Dây chuyền II; dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III Nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 (xem thuyết minh số V.7);
- + Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy gạch của Công ty CP Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC-MX ngày 30/09/2020 (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
<b>Vay và nợ tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>6.213.166.892</b>	<b>39.976.929.022</b>	<b>41.873.939.090</b>	<b>4.316.156.824</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.213.166.892	39.976.929.022	41.873.939.090	4.316.156.824
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ	2.642.088.543	23.452.900.844	21.778.832.563	4.316.156.824
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	3.571.078.349	16.524.028.178	20.095.106.527	-
<b>Cộng</b>	<b>6.213.166.892</b>	<b>39.976.929.022</b>	<b>41.873.939.090</b>	<b>4.316.156.824</b>



**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	7.435.085.962	1.266.094.837	6.702.350.000	1.998.830.799
Quỹ phúc lợi	1.894.502.076	126.609.484	119.700.000	1.901.411.560
Quỹ thưởng BDH	-	331.106.552	-	331.106.552
<b>Cộng</b>	<b>9.329.588.038</b>	<b>1.723.810.873</b>	<b>6.822.050.000</b>	<b>4.231.348.911</b>

**16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LNST chưa phân phối	Cộng
01/01/2024	90.406.970.000	(62.460.000)	4.496.329.753	2.449.439.018	21.984.360.221	119.274.638.992
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.507.425.514	7.507.425.514
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2024	-	-	150.148.510	150.148.510	(1.951.930.634)	(1.651.633.614)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023	-	-	-	-	(9.507.163.784)	(9.507.163.784)
30/06/2024	90.406.970.000	(62.460.000)	4.646.478.263	2.599.587.528	18.032.691.317	115.623.267.108
01/01/2025	90.406.970.000	(62.460.000)	4.827.436.305	2.780.545.570	19.307.468.247	117.259.960.122
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.330.474.188	6.330.474.188
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2024(*)	-	-	-	-	(331.106.552)	(331.106.552)
Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2025(*)	-	-	253.218.968	-	(1.645.923.289)	(1.392.704.321)
30/06/2025	90.406.970.000	(62.460.000)	5.080.655.273	2.780.545.570	23.660.912.594	121.866.623.437

(\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo kế hoạch được thông qua Đại hội đồng cổ đông số 47/CV.GMX-2025 ngày 26/04/2025, số liệu chính thức sẽ được thông qua ĐHCĐ năm 2026.

**b. Chi tiết góp vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Chênh lệch (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn góp của các cổ đông	90.406.970.000	100%	90.406.970.000	-
<b>Cộng</b>	<b>90.406.970.000</b>	<b>100%</b>	<b>90.406.970.000</b>	<b>-</b>



**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	90.406.970.000	90.406.970.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	9.034.451.000

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.040.697	9.040.697
Cổ phiếu phổ thông	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.246)	(6.246)
Cổ phiếu phổ thông	(6.246)	(6.246)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	9.034.451
Cổ phiếu phổ thông	9.034.451	9.034.451
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a. Tổng doanh thu**

Chi tiết:	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	69.677.518.108	66.537.838.919
- Gạch xây tường	35.442.923.675	35.402.009.767
- Sản phẩm trang trí	34.234.594.433	31.135.829.152
Doanh thu ngói xi măng màu	11.344.825.412	11.402.336.478
Doanh thu khác	525.773.910	1.020.037.730
<b>Cộng</b>	<b>81.548.117.430</b>	<b>78.960.213.127</b>

**b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH DV TM Học Minh Thành	13.402.580.214	12.052.884.535
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.022.270.561	2.253.777.000
Công ty CP ĐT Tân Quang Cường - Bình Thuận	106.347.130	378.529.591
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	69.086.160	303.564.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy	-	192.178.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng	-	102.336.652
<b>Cộng</b>	<b>16.600.284.065</b>	<b>15.283.269.778</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**2. Giá vốn bán hàng**

Chi tiết:	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn gạch ngói đất sét nung	47.083.273.573	43.579.967.423
- Gạch xây tường	23.757.119.025	23.201.655.910
- Sản phẩm trang trí	23.326.154.548	20.378.311.513
Giá vốn ngói xi măng màu	10.121.313.288	10.082.186.839
Giá vốn hoạt động khác	175.749.683	629.791.300
<b>Cộng</b>	<b>57.380.336.544</b>	<b>54.291.945.562</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết:	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.212.808	7.691.350
Lãi trái phiếu	-	59.908.334
<b>Cộng</b>	<b>2.212.808</b>	<b>67.599.684</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi tiết:	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	418.946.728	625.067.421
<b>Cộng</b>	<b>418.946.728</b>	<b>625.067.421</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm :	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	3.078.388.980	2.651.248.024
Chi phí vật liệu, bao bì	1.685.686.555	1.735.314.336
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	264.546.575	93.197.848
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	3.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.529.434.120	3.478.565.802
Chi phí bằng tiền khác	89.320.852	103.082.729
<b>Cộng</b>	<b>8.647.377.082</b>	<b>8.065.158.739</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm :	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.348.968.204	5.181.256.449
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.688.699	54.635.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	10.468.080
Thuế, phí, lệ phí	516.201.216	308.377.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	649.697.161	568.614.769
Chi phí bằng tiền khác	624.800.224	375.451.980
<b>Cộng</b>	<b>7.174.355.504</b>	<b>6.498.804.234</b>



## 7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.966.276.182</b>	<b>9.484.974.092</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	310.824.882	402.768.798
Các khoản điều chỉnh tăng	310.824.882	402.768.798
Chi phí không hợp lý	310.824.882	402.768.798
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.277.101.064</b>	<b>9.887.742.890</b>
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>8.277.101.064</b>	<b>9.887.742.890</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.655.420.213	1.977.548.578
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	(19.618.219)	-
<b>Thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>1.635.801.994</b>	<b>1.977.548.578</b>

## 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.330.474.188</b>	<b>7.507.425.514</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.723.810.873)	(2.124.346.398)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(1.723.810.873)	(2.124.346.398)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>4.606.663.315</b>	<b>5.383.079.116</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.034.451	9.034.451
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>510</b>	<b>596</b>

<sup>(\*)</sup>Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2025 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi căn trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2025.

## 9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.606.663.315	5.383.079.116
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.606.663.315	5.383.079.116
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.034.451	9.034.451
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>510</b>	<b>596</b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm :	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.399.115.756	17.025.454.044
Chi phí nhân công	22.572.578.757	22.425.966.290
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.555.283.982	4.752.051.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.640.842.220	9.249.533.584
Chi phí khác	1.317.998.555	2.291.895.172
<b>Cộng</b>	<b>55.485.819.270</b>	<b>55.744.900.813</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

#### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

#### 3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

#### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

### VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.





**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Tiền lương, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt:****Thù lao của thành viên HĐQT:**

		Kỳ này	Kỳ trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên	-	32.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	-	32.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	48.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Thị Phượng Quyên	Thành viên	48.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Bích	Thư ký Công ty	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>324.000.000</b>	<b>324.000.000</b>

**Thù lao thành viên BKS:**

		Kỳ này	Kỳ trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban	48.000.000	52.000.000
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban	-	28.000.000
Ông Nguyễn Thế Đô	Thành viên	42.000.000	14.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	42.000.000	14.000.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên	-	24.000.000
<b>Cộng</b>		<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>

**Lương, thưởng:**

		Kỳ này	Kỳ trước
Họ và tên	Chức vụ		
Ban Tổng Giám đốc		841.074.182	870.361.092
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	454.214.273	483.290.137
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	386.859.909	387.070.955
Những người quản lý khác		990.373.275	1.169.916.586
<b>Cộng</b>		<b>1.831.447.457</b>	<b>2.040.277.678</b>

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
2. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Trưởng BKS Công ty TNHH Đầu tư và TM Đại Hữu là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty GMX
4. Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Giám đốc Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành là em ruột của Tổng Giám đốc Công ty GMX

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, phường Tân Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng	Chủ tịch HĐQT và Giám đốc nhân sự Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gia Thắng là Thành viên HĐQT của Công ty GMX
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy	Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài Chính Công ty CP Đầu tư Gia Thy lần lượt là Thành viên HĐQT và là Thành viên BKS của Công ty GMX

**Giao dịch với các bên liên quan khác:**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>❖ Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.022.270.561	2.253.777.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.952.030.564	19.716.704.428
<b>❖ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	69.086.160	303.564.000
<b>❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường – Bình Thuận</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	106.347.130	378.529.591
<b>❖ Công ty TNHH TM DV Học Minh Thành</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	13.402.580.214	12.052.884.535
<b>❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	102.336.652
<b>❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	192.178.000

**Số dư với các bên liên quan xem chi tiết tại thuyết minh số V.2, V.3 và V.10.****4. Báo cáo bộ phận****4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kỳ này	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.677.518.108	11.344.825.412	525.773.910	81.548.117.430
Giá vốn hàng bán	47.083.273.573	10.121.313.288	175.749.683	57.380.336.544
<b>Lãi gộp</b>	<b>22.594.244.535</b>	<b>1.223.512.124</b>	<b>350.024.227</b>	<b>24.167.780.886</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.537.838.919	11.402.336.478	1.020.037.730	78.960.213.127
Giá vốn hàng bán	43.579.967.423	10.082.186.839	629.791.300	54.291.945.562
<b>Lãi gộp</b>	<b>22.957.871.496</b>	<b>1.320.149.639</b>	<b>390.246.430</b>	<b>24.668.267.565</b>



**4b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tài sản đảm bảo**

*Khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ được đảm bảo bằng các tài sản sau:*

- + Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21/07/2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28/03/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20/05/2013, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/150934/SĐBS ngày 10/08/2017 (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ giá trị hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5);
- + Toàn bộ số dư Tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1);
- + Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2).

*(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Vũng Tàu được đảm bảo bằng các tài sản sau:*

- + Quyền sử dụng đất tại xã Hắc dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Tân Thành, Tp. HCM) và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.8);
- + Toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (Khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân (xem thuyết minh số V.7);
- + Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Tp. HCM) theo Hợp đồng thế chấp Khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 ký giữa Khách hàng và Ngân hàng (xem thuyết minh số V.8);
- + Máy móc thiết bị thuộc: Dây chuyền II; dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III Nhà máy Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ngày 01/08/2017 (xem thuyết minh số V.7);
- + Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy gạch của Công ty CP Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC-MX ngày 30/09/2020 (xem thuyết minh số V.7).

**6. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2025*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**LƯU THỊ MAI**



**TRẦN THỊ CẢNH**



**NGUYỄN VĂN SƠN**





**Tân Thành, ngày 12 tháng 08 năm 2025**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân**

- Mã Chứng khoán: GMX

- Địa chỉ: Khu phố Suối Nhum, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ/ Tel: 0987789047 Fax: 02543.894.168

- Email: [luumaigmx@gmail.com](mailto:luumaigmx@gmail.com)

Website: [www.myxuan-vt.com.vn](http://www.myxuan-vt.com.vn)

**2. Nội Dung Thông tin công bố :**

**- BCTC bán niên 2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC (Đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước :

2